

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
 NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		39
1	MCCB1002	Triết học Mác-Lênin	3
2	MCCB1004	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	MCCB1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	MCCB1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	MCCB1007	Kỹ năng mềm	3
7	CSEL055	Pháp luật đại cương	2
8	CSBA0059	Toán cao cấp	3
9	MCCB1015	Vật lý đại cương	2
10	MCCB1014	Tin học đại cương	3
11	CSBA0053	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
12	CSBA0064	Khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo	3
13	MCCB1011	Tiếng Anh 1	3
14	MCCB1012	Tiếng Anh 2	3
15	MCCB1013	Tiếng Anh 3	3
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		80
16	CSCNTT1001	Cơ sở dữ liệu	3
17	CSCNTT1002	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
18	CSCNTT1003	Toán rời rạc	3
19	CSCNTT1004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
20	CSCNTT1005	Kiến trúc máy tính	3
21	CSCNTT1006	Mạng máy tính	3
22	CSCNTT1007	Kỹ thuật lập trình cơ sở	3
23	CSCNTT1008	Quản trị mạng máy tính	2
24	CSCNTT1009	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
25	CSCNTT1010	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
26	CSCNTT1011	Nguyên lý hệ điều hành	2
27	CNCNTT1001	Tiếng anh chuyên ngành	3
28	CNCNTT1002	Lập trình với Python	3
29	CNCNTT1003	Lập trình hướng đối tượng	3
30	CNCNTT1004	Lập trình web	3
31	CNCNTT1005	Lập trình mạng	3
32	CNCNTT1006	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3
33	CNCNTT1007	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
34	CNCNTT1008	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3
35	CNCNTT1009	Học máy và khai phá dữ liệu	3
36	CNCNTT1014	Nhập môn Công nghệ phần mềm	3
37	CNCNTT1015	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	3
38	CNCNTT1016	Thiết kế giao diện người dùng	2
39	CNCNTT1017	Đảm bảo chất lượng phần mềm	3
HỌC PHẦN TỰ CHỌN			12/27
Sinh viên lựa chọn 2/4 học phần			6/12
40	CNCNTT1010	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	3
41	CNCNTT1011	Thiết kế và triển khai website	3
42	CNCNTT1012	Xử lý ảnh	3
43	CNCNTT1013	Đồ họa và thực tại ảo	3
Sinh viên lựa chọn 2/5 học phần			6/15
44	CNCNTT1018	Lập trình web nâng cao	3
45	CNCNTT1019	Phát triển ứng dụng game	3
46	CNCNTT1020	Lập trình nhúng	3
47	CNCNTT1021	IoT và ứng dụng	3
48	CNCNTT1022	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3
III	TỐT NGHIỆP		10
49	BCCNTT1001	Thực tập tốt nghiệp	4
50	LVCNTT1001	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp***)	6
<i>Nếu sinh viên không viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên học thêm 2 học phần</i>			
51	CNCNTT1023	Thương mại điện tử	3
52	CNCNTT1024	An ninh mạng	3
TỔNG CỘNG			129